ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15	

NGHỊ QUYẾT

Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh

1. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

3. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

4. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

6. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

7. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

8. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

9. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

10. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

11. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

12. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

13. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

14. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

15. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

16. Thành lập Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

17. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

18. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

19. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

20. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

21. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

22. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

23. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

24. Sau khi hợp nhất, thành lập, trong hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân có 34 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, trong đó có 19 Tòa án nhân dân tỉnh và 04 Tòa án nhân dân thành phố được thành lập theo quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 23 Điều này và 11 Tòa án nhân dân cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp, gồm Tòa án nhân dân các tỉnh: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lạng Sơn, Nghệ An, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Sơn La và Tòa án nhân dân các thành phố: Hà Nội, Huế.

25. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các luật về tố tụng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 23 Điều này kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân được hợp nhất theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc

1. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc bao gồm:

a) Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

b) Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc được quy định như sau:

a) Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

b) Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị;

c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.

Điều 3. Thành lập Tòa án nhân dân khu vực

1. Thành lập 355 Tòa án nhân dân khu vực tại 34 tỉnh, thành phố; số lượng và tên gọi cụ thể của các Tòa án nhân dân khu vực tại từng tỉnh, thành phố theo tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Các Tòa án nhân dân khu vực thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các luật về tố tụng và quy định khác của pháp luật có liên quan; kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật với phạm vi được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực

1. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của 355 Tòa án nhân dân khu vực được xác định tương ứng với phạm vi địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phá sản được quy định như sau:

a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị;

c) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.

3. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ được quy định như sau:

a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 20 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, thành phố Huế; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 14 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đắk Lắk, Đồng Nai, Đồng Tháp, Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Tây Ninh và Vĩnh Long.

4. Địa điểm đặt trụ sở của Tòa án nhân dân khu vực do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định, bảo đảm gần dân, sát dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi tham gia tố tụng.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này; sắp xếp tổ chức bộ máy, quyết định phân bổ biên chế, số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân; xử lý trụ sở, tài sản công tại các Tòa án nhân dân và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ, căn cứ quy định tại Nghị quyết này, bố trí kinh phí để thực hiện việc thành lập, sắp xếp các Tòa án nhân dân gồm: xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; đào tạo, bồi dưỡng và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy và các nhiệm vụ cần thiết khác.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Mẫn